TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh Phúc

Bản án số: 74/2020/DS-ST
Ngày: 16 – 7 – 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Út

Ông Nguyễn Văn Giang

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Ngọc Nhiệm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/DSST, ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-DS, ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị M, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: Khóm T, phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn Đ, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Ấp LB 1, xã LP, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị M trình bày: Vào năm 2018 bà có cho anh Trần Thanh Đ vay 40.000.000 đồng, cụ thể: Vào ngày 04/12/2018 (âl) anh Đ vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời gian vay 02 tháng, anh Đ đã đóng lãi được 01 tháng; Ngày 25/11/2018 (âl) anh Đ vay 10.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời gian vay 02 tháng, anh Đ đã đóng lãi được 01 tháng với số tiền 300.000 đồng; Ngày 28/12/2018 (âl) anh Đ vay 20.000.000

đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, khoản vay này anh Đ chưa trả lãi. Nay nguyên đơn Phạm Thị M yêu cầu anh Trần Thanh Đ trả số tiền vốn 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Thanh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần để trình bày ý kiến, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi được lời khai của bị đơn Trần Thanh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản" theo Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Về nội dung: Vào các ngày 04/12/2018, 25/11/2018 và 28/12/2018 anh Trần Thanh Đ có vay của bà M số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi hàng tháng. Do anh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên hai bên phát sinh tranh chấp.

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 40.000.000 đồng: Căn cứ vào biên nhận nợ gốc các ngày 04/12/2018, 25/11/2018 và 28/12/2018 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bị đơn Trần Thanh Đ, Hội đồng xét xử xác nhận anh Đ có vay 40.000.000 đồng của bà M là đúng sự thật theo quy định tại Điều 92, Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tình tiết sự kiện không cần chứng minh. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không lý do, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, việc anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu anh Đ trả số tiền còn nợ 40.000.000 đồng là có cở sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 "lãi suất vay do các

bên thỏa thuận". Tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã đóng lãi được 600.000 đồng và yêu cầu bị đơn trả lãi suất theo quy định pháp luật. Xét thấy, mức lãi suất mà các bên thỏa thuận 3%/tháng là cao so với quy định pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 468 Bộ luật dân sự điều chỉnh lại lãi suất là 1.67%/tháng.

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng vào ngày 04/12/2018 (âl) tức ngày 09/01/2019 (dl) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 16/7/2020 là: 10.000.000 đồng x 1,67% x 18 tháng 07 ngày = 3.044.967 đồng

Đối với khoản vay 10.000.000 đồng vào ngày 25/12/2018 (âl) tức ngày 30/01/2019 (dl) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 16/7/2020 là: 10.000.000 đồng x 1,67% x 17 tháng 16 ngày = 2.928.067 đồng

Đối với khoản vay 20.000.000 đồng vào ngày 28/12/2018 (âl) tức ngày 02/02/2019 (dl) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 16/7/2020 là: 20.000.000 đồng x 1,67% x 17 tháng 14 ngày = 5.833.867 đồng.

Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả là 11.806.901 đồng, bị đơn đã trả lãi 600.000 đồng nên được khấu trừ lại. 11.773.484 đồng - 600.000 đồng = 11.206.901 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi bị đơn Trần Thanh Đ phải trả là: 40.000.000 đồng + 11.206.901 đồng = 51.206.901 đồng

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Trần Thanh Đ phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M.

[2] Buộc bị đơn Trần Thanh Đ trả cho nguyên đơn Phạm Thị M số tiền 51.206.901 đồng (trong đó tiền vốn 40.000.000 đồng và 11.206.901 đồng tiền lãi).

[3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Thanh Đ phải nộp số tiền 2.560.345 đồng (Hai triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, ba trăm bốn mươi lăm đồng). Nguyên đơn Phạm Thị M được nhận lại 1.000.000 đồng (Một triệu đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000394 phiếu lập ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ.

[5] *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a,7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

[6] Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/7/2020). Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã Long Phú nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ T0QA PHIÊN TÒA

đã ký

Đào Thị Thủy

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- CCTHADS thị xã Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS;